

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **667/2022/KDTM-PT**

Ngày: 15/11/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng kinh tế

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Các Thẩm phán:

1/ Bà Lưu Thị Đoan Trang

2/ Ông Lê Công Toại

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 15 tháng 11 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2022/TLPT-KDTM ngày 05/10/2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng kinh tế”.

Do Bản án sơ thẩm số 11/2022/KDTM-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị đơn Công ty TNHH Đầu tư Xuất nhập khẩu V kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5200/2022/QĐXX-PT ngày 13/10/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Thương mại Quảng cáo T

Địa chỉ: D6/180 Ấp X, xã P, huyện C, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Vũ K, sinh năm 1997

Địa chỉ liên lạc: Phòng XX, Lầu Y, Tòa nhà M, số 235 Đường Đ, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 24/12/2021)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Ngô Minh H – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty TNHH Đầu tư Xuất nhập khẩu V

Địa chỉ: 115 Đường P, phường V, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền:

1. Bà Tống Tiểu L, sinh năm 1996 (Văn bản ủy quyền số 240222/UQ/VĐ/2022 ngày 24/8/2022)

2. Ông Trần Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1989 (Văn bản quyền số 008/2002/UQ-XNKVĐ ngày 15/3/2022)

Cùng địa chỉ liên lạc: 115 Đường P, phường V, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn, bị đơn và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Đại diện nguyên đơn trình bày:

Từ cuối năm 2017 Công ty TNHH Thương mại Quảng cáo T (gọi tắt là Công ty T) và Công ty TNHH Đầu tư Xuất Nhập khẩu V (gọi tắt là Công ty V) đã ký kết và thực hiện tổng cộng 04 hợp đồng sau đây:

1. Hợp đồng kinh tế số 24/11/2017/ĐĐ T/VĐ ngày 24/11/2017: Công ty V giao và Công ty T thực hiện việc sản xuất, lắp đặt, trang trí “các tuyến đường đèn tại thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội dịp Tết Mậu Tuất 2018”;

2. Hợp đồng kinh tế số 02/3/2018/ĐĐ T/VĐ ngày 02/3/2018: Công ty V giao và Công ty T thực hiện việc sản xuất, lắp đặt “Trang trí đường đèn tại TP. Hồ Chí Minh – dịp lễ 30/4 năm 2018”;

3. Hợp đồng kinh tế số 02/06/18-VĐ/T ngày 02/6/2018: “Công ty V giao và Công ty T thực hiện trọn gói sản xuất, lắp đặt hạng mục Booth Viettel tại Phố đi bộ Nguyễn Huệ; và

4. Hợp đồng thi công số 26/11/2018/ĐĐ T/VĐ ngày 30/11/2018: Công ty V giao và Công ty T thực hiện trọn gói sản xuất, lắp đặt “Trang trí đường đèn khu vực TP. Hồ Chí Minh – Tết năm 2019”. Các bên cũng ký Phụ lục số 01 ngày 18/12/2018 và Phụ lục số 02 ngày 17/01/2019 để bổ sung phạm vi công việc của hợp đồng trên.

Công ty T đã thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của mình tại 04 Hợp đồng nêu trên và các bên đã ký các Biên bản thanh lý hợp đồng nhưng Công ty V vẫn chưa hoàn tất việc thanh toán cho 04 Hợp đồng này.

Ngoài 04 Hợp đồng này, Công ty V còn nợ Công ty T số tiền 5.147.000.000 đồng, từ việc bù trừ công nợ ba bên theo Biên bản thỏa thuận bù trừ công nợ ngày 12/6/2018 giữa Công ty V, Công ty TNHH Truyền thông A (“Công ty A”) và Công ty T. Cụ thể, Công ty V có nghĩa vụ trả cho Công ty T số tiền 5.147.000.000 đồng thay cho Công ty A, đây là khoản tiền mà Công ty A còn nợ Công ty T.

Đến ngày 31/3/2021, Công ty V và Công ty T ký Biên bản đối chiếu công nợ, xác nhận “Tính đến ngày 31/03/2021 Bên A còn nợ Bên B số tiền là: 15.969.250.405 đồng” (thời điểm này Công ty V chưa thanh toán số tiền

500.000.000 đồng theo Lệnh thanh toán ngày 23/4/2021 và số tiền 1.000.000.000 đồng theo giấy báo có ngày 25/12/2021).

Cho đến thời điểm hiện tại Công ty V mới chỉ thanh toán một phần nghĩa vụ nợ của mình cho Công ty T. Nợ gốc còn lại của Công ty V cho đến nay là 14.469.250.405 đồng.

Công ty T đã liên hệ với Công ty V rất nhiều lần và cố gắng giải quyết vụ việc trong thiện chí, nhưng Công ty V không cho thấy tinh thần hợp tác để giải quyết dứt điểm nợ còn tồn đọng, bất chấp việc những khoản nợ này đã tồn tại từ rất lâu, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình tài chính, tồn đọng nợ thuế, bảo hiểm xã hội và khả năng thực hiện các hợp đồng khác của Công ty T.

Công ty T đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty TNHH Đầu tư Xuất nhập khẩu V phải trả số tiền nợ gốc 14.469.250.405 đồng

- Tiền lãi chậm thanh toán tính (mức lãi suất 10%/năm): Tạm tính từ ngày 01/4/2021 (sau khi đối chiếu công nợ) cho đến ngày xét xử (ngày 26/7/2022) số tiền là 1.983.619.026 đồng

Buộc Công ty TNHH Đầu tư Xuất nhập khẩu V phải trả 1 lần số tiền nợ gốc lãi tổng cộng là 16.452.869.431 đồng.

Đại diện bị đơn trình bày:

Bị đơn Công ty TNHH Đầu tư Xuất nhập khẩu V xác nhận có ký 04 hợp đồng kinh tế với Công ty T gồm: 1. Hợp đồng kinh tế số 24/11/2017/ĐĐ T/VĐ ngày 24/11/2017; 2. Hợp đồng kinh tế số 02/3/2018/ĐĐ T/VĐ ngày 02/3/2018; 3. Hợp đồng kinh tế số 02/06/18-VĐ/T ngày 02/6/2018; 4. Hợp đồng thi công số 26/11/2018/ĐĐ T/VĐ ngày 30/11/2018. Các bên cũng ký Phụ lục số 01 ngày 18/12/2018 và Phụ lục số 02 ngày 17/01/2019 để bổ sung phạm vi công việc của hợp đồng trên.

Các bên cũng đã ký Biên bản thanh lý 04 hợp đồng nêu trên.

Ngoài 04 Hợp đồng này, bị đơn Công ty V còn nợ Công ty T số tiền 5.147.000.000 đồng, từ việc bù trừ công nợ ba bên theo Biên bản thỏa thuận bù trừ công nợ ngày 12/6/2018 giữa Công ty V, Công ty TNHH Truyền thông A (“Công ty A”) và Công ty T. Cụ thể, Công ty V có nghĩa vụ trả cho Công ty T số tiền 5.147.000.000 đồng thay cho Công ty A, đây là khoản tiền mà Công ty A còn nợ Công ty T.

Đến ngày 31/3/2021, bị đơn Công ty V và Công ty T ký Biên bản đối chiếu công nợ, xác nhận “Tính đến ngày 31/03/2021 Bên A còn nợ Bên B số tiền là: 15.969.250.405 đồng”. Sau khi chốt công nợ thì Công ty V trả Công ty T được thêm 2 lần: 01 lần số tiền 500.000.000 đồng và 01 lần số tiền 1.000.000.000 đồng.

Cho đến thời điểm hiện tại do khó khăn nên bị đơn Công ty V mới chỉ thanh toán một phần nghĩa vụ nợ của mình cho nguyên đơn Công ty T. Nợ gốc xác nhận còn nợ số tiền là 14.469.250.405 đồng (mười bốn tỷ bốn trăm sáu mươi chín hai trăm năm mươi nghìn bốn trăm lẻ năm đồng).

Đối với yêu cầu tính lãi suất của bên Công ty T thì bị đơn Công ty V cũng thống nhất thời điểm áp dụng lãi suất chậm thanh toán từ ngày 01/4/2021 và mức lãi suất là 10%/năm như Nguyên đơn yêu cầu. Tính đến hiện nay thì tiền lãi chậm thanh toán là 1.634.771.345 đồng. Do kinh tế khó khăn nên bị đơn đề nghị phương thức thanh toán như sau: Kỳ thanh toán: 2.000.000.000 VNĐ (hai tỷ đồng)/Quý (3 tháng dương lịch). Thời điểm áp dụng: Từ khi các Bên hòa giải, thỏa thuận thành. Tuy nhiên, do nguyên đơn Công ty T không đồng ý về thời gian trả nợ theo đề xuất của bị đơn Công ty V, nên các bên đương sự không hòa giải thành được.

Bản án sơ thẩm số 11/2022/KDTM-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Quảng cáo T:

1.1 Bị đơn Công ty TNHH Đầu tư Xuất nhập khẩu V còn nợ nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Quảng cáo T số tiền cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 14.469.250.405 đồng
- Tiền lãi: 1.983.619.026 đồng

Tổng cộng gốc lãi là 16.452.869.431 đồng (*Mười sáu tỷ, bốn trăm năm mươi hai triệu, tám trăm sáu mươi chín ngàn, bốn trăm ba mươi một đồng*) là tiền nợ phát sinh từ “Biên bản đối chiếu công nợ” ngày 31/3/2021 giữa Công ty TNHH Đầu tư Xuất nhập khẩu V với Công ty TNHH Thương mại Quảng cáo T.

1.2 Bị đơn Công ty TNHH Đầu tư Xuất nhập khẩu V phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Quảng cáo T số tiền gốc lãi 16.452.869.431 đồng (*đã nêu trên*), việc trả tiền được thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thì hành án, nếu bị đơn bị đơn không trả hoặc trả không đủ số tiền đã nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngoài ra án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/8/2022, bị đơn có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đại diện bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn sửa một phần bản án sơ thẩm về thời hạn thanh toán nợ gốc và lãi suất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng

thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến tranh luận của các đương sự; của luật sư, nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung kháng cáo

[1.1] Bị đơn đề nghị sửa một phần nội dung Bản án sơ thẩm theo hướng chấp thuận mức lãi suất 08%/năm .

Xét thấy: Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 16/6/2022 và lời trình bày giữa các bên đương sự thì giữa Công ty T và Công ty V đã thống nhất Công ty V còn nợ Công ty T số tiền là 14.469.250.405 đồng (mười bốn tỷ bốn trăm sáu mươi chín hai trăm năm mươi nghìn bốn trăm lẻ năm đồng). Phía bị đơn cũng thống nhất thời điểm áp dụng lãi suất chậm thanh toán từ ngày 01/4/2021 và mức lãi suất là 10%/năm. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 25/7/2022, đại diện bị đơn xác nhận còn nợ Công ty T số tiền nợ gốc 14.469.250.405 đồng, đồng ý trả lãi do chậm thanh toán cho nguyên đơn với mức lãi suất là 10%/năm, thời gian tính lãi chậm thanh toán từ ngày 01/4/2021. Như vậy giữa các bên đã thống nhất số tiền nợ gốc là 14.469.250.405 đồng và mức lãi suất là 10%/năm.

Tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 quy định: “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác...*”

Theo Kết quả cung cấp thông tin về lãi suất quá hạn của 03 Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh thời điểm tháng 6/2022 thì mức lãi suất quá hạn là 15,25%.

Như vậy, mức lãi suất cấp sơ thẩm áp dụng 10%/năm mà hai bên đã thống nhất thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng thương mại

ở Tp. Hồ Chí Minh tại thời điểm xét xử sơ thẩm là có cơ sở và có lợi cho phía bị đơn. Do đó, xét thấy kháng cáo của bị đơn đề nghị áp dụng mức lãi suất 8%/năm là không có cơ sở để chấp nhận.

[1.2] Xét bị đơn kháng cáo đề nghị phương án thanh toán được chia thành 03 (ba) đợt với giá trị thanh toán mỗi đợt bằng nhau:

Xét thấy trong các điều khoản của hợp đồng, phụ lục hợp đồng cũng như các thỏa thuận giữa Công ty T và Công ty V không có điều khoản nào hay thỏa thuận nào thể hiện phương án thanh toán được chia thành 03 (ba) đợt với giá trị thanh toán mỗi đợt bằng nhau. Đồng thời tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện nguyên đơn cũng không chấp nhận phương án thanh toán nhiều lần của bị đơn. Do vậy không có cơ sở để hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo này của bị đơn.

[1.2] Từ những phân tích trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ bản án sơ thẩm. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Đầu tư Xuất nhập khẩu V. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 11/2022/KDTM-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Quảng cáo T:

1.1. Bị đơn Công ty TNHH Đầu tư Xuất nhập khẩu V còn nợ nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Quảng cáo T số tiền cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 14.469.250.405 đồng

- Tiền lãi: 1.983.619.026 đồng

Tổng cộng gốc lãi là 16.452.869.431 đồng (*Mười sáu tỷ, bốn trăm năm mươi hai triệu, tám trăm sáu mươi chín ngàn, bốn trăm ba mươi một đồng*) là tiền nợ phát sinh từ “Biên bản đối chiếu công nợ” ngày 31/3/2021 giữa Công ty TNHH Đầu tư Xuất nhập khẩu V với Công ty TNHH Thương mại Quảng cáo T.

1.2. Bị đơn Công ty TNHH Đầu tư Xuất nhập khẩu V phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Quảng cáo T số tiền gốc lãi 16.452.869.431 đồng (*đã nêu trên*), việc trả tiền được thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn bị đơn không trả hoặc trả không đủ số tiền đã nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn Công ty TNHH Đầu tư Xuất nhập khẩu V phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 124.452.869 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu, bốn trăm năm mươi hai ngàn, tám trăm sáu mươi chín đồng).

Hoàn trả cho Công ty TNHH Thương mại Quảng cáo T số tiền án phí đã tạm nộp là 61.845.874 đồng theo biên lai số AA/2021/0006889 ngày 26/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3.

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH Đầu tư Xuất nhập khẩu V phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 (Hai triệu đồng), được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007535 ngày 29/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết Trinh